TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08/6/2018
V/v "Kiện xin Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI - TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ngân Hà

Ông Trương Quang Lương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 về việc tranh chấp "Kiện xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 4 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 06a/2018 ngày 16/5/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1960

Địa chỉ: Cụm 1, tổ dân phố 4, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Bình.

Bị đơn: Ông Đặng Thanh H, sinh năm 1957

Địa chỉ: Cụm 1, tổ dân phố 4, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Bình.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 17/01/2018, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Thanh trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Đặng Thanh H, có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 27/4/1982 tại UBND xã LN, huyện L, tỉnh BTT nay là xã L, huyện N, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ

chồng sống không hạnh phúc với nhau, nguyên nhân chủ yếu là do cuộc sống của vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, suốt ngày xúc phạm nhau, ông H không quan tâm vợ con. Bản thân bà T đã cố gắng chịu đựng để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng không đưa lại kết quả gì mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng thêm, dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không khí gia đình luôn nặng nề căng thẳng, ảnh hưởng đến cuộc sống và công việc của hai bên cũng như đời sống của con cái từ đó vợ chồng đã sống ly thân hơn 10 năm nay, vợ chồng ai làm việc đó không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay bà T thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân không đạt được nên mong muốn được ly hôn ông Đặng Thanh H.

Tại bản tự khai ngày 15/02//2018 ông Đặng Thanh H trình bày:

Ông H và bà T có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương, đăng ký kết hôn vào ngày 27/4/1982 tại UBND xã LN, huyện L, tỉnh BTT nay là xã L, huyện N, tỉnh Quảng Bình đúng như trình bày của bà T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, tuy nhiên trong cuộc suộc sống không tránh khỏi mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do những việc nhỏ trong gia đình, lời ăn tiếng nói, từ đó vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống vì cái tôi của nhau, vợ chồng đã ly sống ly thân 10 năm nay. Mặc dù tình cảm bà T dành cho ông H như vậy nhưng nguyện vọng của ông H là muốn vợ chồng đoàn tụ vì con cháu.

- Về nuôi con chung: Bà T ông H đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là Đặng Thanh H1, sinh ngày 21/11/1982 và Đặng Thanh P, sinh ngày 30/01/1986. Hiện hai cháu đều đã trưởng thành và đã có gia đình riêng.

- Về chia tài sản: Bà T ông H đều thống nhất tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 21/3/2018 ông H có mặt, nhưng sau đó các phiên hòa giải tiếp theo ông H không ký vào biên bản và tự ý bỏ ra về. Tại các buổi hòa giải hai bên đương sự không tự thỏa thuận được. Nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo qui định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Bà T vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện và bản tự khai. Ông H vắng mặt lần thứ hai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Lê Thị T khởi kiện xin ly hôn ông Đặng Thanh H. Ông Đặng Thanh H có địa chỉ tại Cụm 1, tổ dân phố 4, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng

Bình. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

[2] Về thời hạn giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng: Vào ngày 24 tháng 01 năm 2018 Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình đã thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình giữa bà Lê Thị T với ông Đặng Thanh H. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt trực tiếp thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như giấy triệu tập cho bà T và ông H. Ông H đã nhận được các văn bản tố tụng nói trên và đã làm bản tự khai trình bày ý kiến của mình và đã tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 21/3/2018. Tuy nhiên trong các phiên hòa giải vào các ngày 03/4/2018 và ngày 17/4/2018 ông H đều đến trình bày ý kiến nhưng cuối buổi hòa giải ông H đều bỏ về, mặc dù tòa án đã giải thích cho ông rõ việc ông tham gia tại Tòa án là để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Ngày 26/4/2018 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã giao giấy cho ông H nhưng tại phiên tòa ngày 16/5/2018 ông H vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án đã có quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất để đảm bảo quyền lợi cho đương sự theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 06a/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16/5/2018 và ấn định lịch mở lại phiên tòa vào ngày 08/6/2018 và đã niêm yết tại địa phương, nhưng tại phiên tòa hôm nay ông H vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 BLTTDS năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Đặng Thanh H.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Đặng Thanh H đã kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp. Đáng lẽ ra ông, bà phải biết thương yêu, quý trọng chăm sóc lẫn nhau nhằm xây dựng một gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại, ông, bà đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững mà lại để xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do trong cuộc sống bất đồng quan điểm, xúc phạm nhau, tính tình không phù hợp nhưng không biết điều chỉnh để hòa hợp, cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung sau đó để mặc, không quan tâm đến nhau, sống ly thân trong một thời gian dài. Cả hai đều thừa nhận có mâu thuẫn xảy ra. Nhưng tại bản tự khai ông H trình bày mặc dù vợ chồng sống ly thân đã 10 năm nhưng ông vẫn muốn vợ chồng đoàn tụ vì con cháu. Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù nguyện vọng của ông H là muốn đoàn tụ nhưng tại các buổi hòa giải lần 2, 3 ông không xác nhận lời trình bày của mình và không ký vào biên bản. Mặc dù ông H muốn đoàn tụ nhưng ông H không có biện pháp gì để khắc phục tình cảm, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Tòa án đã tạo điệu kiện cho các bên xem xét lại tình trạng hôn nhân. Tại phiên tòa bà T cương quyết ly hôn ông H vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên không có ý kiến của ông H, mặc dù ông H đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ, và đã niêm yết các văn bản thủ tục tố tụng

tại chính quyền địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Lê Thị T. Bởi lẽ tình cảm giữa bà T và ông H đã trầm trọng không thể khắc phục, tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, không quan tâm gì đến nhau, hiện vợ chồng đã sống ly thân 10 năm nay, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử bà T được ly hôn ông H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình**.**

[3.2] Về nuôi con chung:

Bà T ông H đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là Đặng Thanh H1, sinh ngày 21/11/1982 và Đặng Thanh P, sinh ngày 30/1/1986. Hiện hai cháu đều đã trưởng thành và đã có gia đình riêng.

[3.3] Về tài sản chung: Bà T và ông H đều thống nhất tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án: Buộc bà Lê Thị Thanh phải chịu 300.000đ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Khoản 1 Điều 203; Khoản 1, Khoản 2 Điều 227; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Lê Thị T được ly hôn ông Đặng Thanh H.

2. Về nuôi con chung: Bà Thanh ông H đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là Đặng Thanh H1, sinh ngày 21/11/1982 và Đặng Thanh P, sinh ngày 30/1/1986. Hiện hai cháu đều trên 18 tuổi và đã có gia đình riêng.

3. Về chia tài sản: Các đương sự tự thỏa thuận nên HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 BLTTDS và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án

Bà Lê Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Số tiền bà T phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới theo Biên lai số AA/2015/Nº 0000384 ngày 24 tháng 12 năm 2017. Ông Đặng Thanh H không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:
-Các Đương sự;
-VKSND TP Đồng Hới;
-Chi cục THADS TP Đồng Hới;
-TAND tỉnh Quảng Bình;
-Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Lệ